

Số: /QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v công nhận kết quả thi chuẩn đầu ra tiếng Anh - trình độ B1 (Nội bộ)
khóa ngày 19/4/2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 968/QĐ-TDĐTĐN ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ kết luận và đề nghị của Hội đồng thi sát hạch chuẩn đầu ra tiếng Anh và cấp chứng chỉ Tin học kỳ thi ngày 19/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi chuẩn đầu ra tiếng Anh, trình độ B1 cho 93 học viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Ngoại ngữ Tin học; các đơn vị liên quan và các học viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Phòng ĐT & BĐCLGD;
- Website trường;
- Lưu VT, TTNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thanh Hải

DANH SÁCH CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH - TRÌNH ĐỘ B1 (NỘI BỘ)
KHÓA NGÀY 19/4/2026

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-TDĐTĐN ngày / /2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	SBD	Vấn đáp	Nghe	Đọc	Viết	Tổng điểm		Xếp loại
										Điểm số	Điểm chữ	
1	Trần Nguyễn Hà	Anh	31/01/2004	Hà Tĩnh	B1-001	6,0	2,3	2,3	4,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
2	Hồ Ngọc	Anh	16/09/2004	Đà Nẵng	B1-002	6,0	2,9	3,5	3,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
3	Nguyễn Đặng Quốc	Bảo	20/12/2000	Lâm Đồng	B1-003	4,1	3,2	5	3,4	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
4	Nguyễn Trịnh Thái	Bình	01/01/2004	Đà Nẵng	B1-004	5,0	2	5,3	3,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
5	Phan Thanh	Chí	18/12/2005	Đà Nẵng	B1-005	3,9	6	6,0	3,8	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
6	Hồ Văn	Đại	04/04/2005	Đà Nẵng	B1-006	4,4	6	6,0	2,8	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
7	Hoàng Thị	Doan	17/01/2004	Quảng Trị	B1-008	4,0	4,0	5,5	2,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
8	Phạm Ngọc	Đồng	04/10/2005	Quảng Ngãi	B1-009	4,2	4,3	3,5	3,6	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
9	Hồ Thị Kim	Dung	15/02/2003	Đà Nẵng	B1-011	5,5	3,3	4,5	2,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
10	Đặng Văn	Dũng	26/07/2004	Huế	B1-012	5,0	3,2	4,3	2,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
11	Nguyễn Tiên	Dũng	03/11/2004	Quảng Trị	B1-013	4,9	3,7	5,3	2,2	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
12	Trần Thị Thuý	Hằng	15/12/2004	Đà Nẵng	B1-015	4,8	3,4	6	2,8	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
13	Nguyễn Hữu	Hậu	18/11/2004	Quảng Trị	B1-017	4,0	3,7	5,3	2,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
14	Phạm Hoàng	Hiếu	10/07/2004	Đà Nẵng	B1-018	6,0	3,7	2,8	2,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
15	Võ Văn	Hiếu	20/10/2004	Quảng Trị	B1-019	5,0	3,2	5	2,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
16	Nguyễn Thái	Hoàng	23/07/2004	Đà Nẵng	B1-021	5,0	2,9	4,8	2,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT

17	Mai Trương Huy	Hoàng	21/03/2003	Đà Nẵng	B1-022	4,2	3,4	5,5	2,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
18	Lo Quốc	Hưng	29/11/2004	Nghệ An	B1-024	4,0	3,7	4,8	2,8	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
19	Nguyễn Ngọc Bảo	Huy	06/10/2005	Đà Nẵng	B1-025	4,9	4	3,5	3,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
20	Phan Thanh	Huy	11/01/2005	Quảng Trị	B1-026	4,7	3,2	4,5	3,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
21	Dương Văn	Huy	24/08/2003	Đà Nẵng	B1-027	5,5	3,7	4,3	1,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
22	Đào Khắc	Khanh	19/05/2005	Hà Tĩnh	B1-028	5,5	3,4	3,5	2,6	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
23	Đình Văn	Khuyến	09/09/2004	Quảng Ngãi	B1-032	5,0	4,3	5	1,2	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
24	Hoàng Trọng	Kiên	06/06/2004	Quảng Trị	B1-033	4,3	3,7	5,3	2,4	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
25	Trần Ngọc	Lý	12/06/2004	Lâm Đồng	B1-036	5,0	3,2	4,5	2,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
26	Lê	Minh	30/06/2005	Đà Nẵng	B1-037	6,0	4,9	4,8	2,3	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
27	Huỳnh Nhật	Minh	02/11/2004	Quảng Nam	B1-038	3,6	4	4,5	3,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
28	Phạm Hoàng	Nam	07/08/2004	Quảng Ninh	B1-039	4,5	4,6	3,3	2,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
29	Nguyễn Trung Bảo	Ngân	07/02/2005	Đà Nẵng	B1-040	4,9	3,2	5	2,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
30	Lê Quang	Nghĩa	25/01/2005	Quảng Trị	B1-041	2,4	4,6	7,8	1,4	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
31	Trần Duy	Nghĩa	10/10/2004	Đà Nẵng	B1-042	4,5	5,1	5,3	1,2	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
32	Võ Quang	Ngọc	17/08/1987	Quảng Ngãi	B1-043	3,6	7,1	6	3,9	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
33	Chung Văn	Nguyên	30/01/2005	Đà Nẵng	B1-044	4,2	5,7	6,5	1,8	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
34	Ngô Nguyễn Mạnh	Nguyên	09/08/2004	Quảng Ngãi	B1-045	3,4	6	6,3	2,8	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
35	Huỳnh Thanh	Nguyên	12/06/2004	Lâm Đồng	B1-048	3,8	5,1	6,8	2,3	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
36	Lê Trọng	Nhân	26/08/2005	Đà Nẵng	B1-049	6,2	6	6,5	3,9	5,5	<i>Năm năm</i>	ĐẠT
37	Phạm Quốc	Phát	26/10/2005	Quảng Ngãi	B1-052	4,1	6	6,5	1,2	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
38	Alăng Nam	Phi	14/12/2004	Đà Nẵng	B1-053	5,0	5,4	6,5	2,3	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT

39	Nguyễn Xuân Phúc	Phúc	22/04/2005	Đà Nẵng	B1-054	3,3	5,4	6,3	2,8	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
40	Bùi Duy Phúc	Phúc	22/05/2005	Quảng Trị	B1-055	4,3	5,7	7,3	2,3	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
41	Nguyễn Hữu Phúc	Phúc	09/05/2004	Gia Lai	B1-056	4,0	4,6	5	2,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
42	Huỳnh Vĩnh Quang	Quang	02/06/2005	Đà Nẵng	B1-057	4,5	2,9	5,3	2,8	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
43	Hoàng Trung Quốc	Quốc	15/09/2004	Gia Lai	B1-058	4,0	4	7,3	2,3	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
44	Tăng Văn Hàn Quốc	Quốc	26/02/2001	Đà Nẵng	B1-059	3,0	5,4	5	2,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
45	Nguyễn Thanh Sang	Sang	13/12/2002	Đà Nẵng	B1-060	3,1	4,9	5,3	2,2	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
46	Võ Trường Sinh	Sinh	13/06/2004	Hà Tĩnh	B1-061	4,2	4,3	5,3	3,8	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
47	Đặng Bảo Tài	Tài	22/02/2005	Đà Nẵng	B1-062	5,2	5,4	4,8	2,9	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
48	Thiều Huy Tài	Tài	21/09/2005	Gia Lai	B1-063	5,0	3,7	5,5	0,9	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
49	Trần Đoàn Tấn	Tấn	23/04/2004	Đà Nẵng	B1-064	3,5	5,1	3,8	2,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
50	Lê Văn Tàu	Tàu	20/11/2005	Huế	B1-065	5,3	5,7	3	3,3	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
51	Phù Văn Thành	Thành	10/01/2004	Quảng Ngãi	B1-066	4,3	3,4	4,5	3,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
52	Lê Sinh Phúc Thọ	Thọ	26/08/2003	Đà Nẵng	B1-067	4,0	4,3	5,5	2,6	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
53	Nguyễn Thị Thanh Thuý	Thuý	25/06/2004	Đà Nẵng	B1-068	4,2	6	6	3,2	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
54	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thùy	01/09/2004	Nghệ An	B1-069	3,5	6	5,3	2,4	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
55	Võ Thị Trinh	Trinh	27/07/2003	Đà Nẵng	B1-070	4,1	6	2,8	3,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
56	Trần Quốc Trung	Trung	24/10/2005	Đà Nẵng	B1-071	5,3	6	1,8	3,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
57	Nguyễn Văn Trường	Trường	23/07/2004	Đà Nẵng	B1-072	4,8	4,3	7	2,8	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
58	Phạm Ngọc Tú	Tú	16/12/2004	Quảng Ngãi	B1-073	4,3	5,7	2,8	2,8	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
59	Nguyễn Đình Anh Tú	Tú	28/02/2003	Đà Nẵng	B1-074	5,2	4,3	6	0,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
60	Dương Kỳ Vĩ	Vĩ	06/02/2005	Đà Nẵng	B1-077	6,3	7,1	5,3	3,0	5,5	<i>Năm năm</i>	ĐẠT

61	Trương Văn	Vĩ	20/01/1998	Đà Nẵng	B1-078	4,8	4,6	6,8	3,4	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
62	Đinh Thị Kiều	Vy	17/03/2005	Đà Nẵng	B1-079	4,1	3,2	6,5	3,2	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
63	Nguyễn Đình	An	08/02/1991	Đà Nẵng	B1-080	2,8	5,7	7	1,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
64	Nguyễn Hoài	Bảo	21/10/1994	Đà Nẵng	B1-081	2,0	7,4	6,8	1,7	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
65	Trần Hồng	Đại	06/03/1993	Huế	B1-082	2,8	5,7	6	1,4	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
66	Đặng Quốc	Đạt	17/05/1992	Quảng Ngãi	B1-083	2,3	6,3	6,5	0,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
67	Lê Tấn	Đạt	30/04/1989	Đà Nẵng	B1-084	2,6	6,8	6,5	1,3	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
68	Ngô Ngọc	Dũng	04/04/1980	Quảng Trị	B1-085	2,2	6,8	6,8	0,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
69	Phạm Thị Nhật	Lệ	30/12/1975	Đà Nẵng	B1-087	2,1	7,4	7,3	1,6	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
70	Lê Thành	Long	01/07/1993	Đà Nẵng	B1-088	2,4	7,4	5,3	0,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
71	Nguyễn Nam	Long	26/07/1985	Quảng Trị	B1-089	2,0	6,6	6,3	0,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
72	Ngô Hoàng	Long	27/03/1991	Quảng Ngãi	B1-090	3,1	5,7	6	0,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
73	Trương Hà Ngọc	Minh	01/10/1980	Đà Nẵng	B1-091	2,0	6,0	6,8	0,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
74	Riah	Niêu	07/04/1995	Đà Nẵng	B1-092	3,8	5,1	7	1,3	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
75	Arát	Pênh	15/06/1992	Đà Nẵng	B1-093	2,0	6,6	6,5	1,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
76	Lê Tiến	Phong	23/01/1986	Quảng Trị	B1-094	3,0	4,9	6	1,4	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
77	Đỗ Minh	Phúc	05/08/1994	Quảng Ngãi	B1-095	3,2	4,9	6,3	1,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
78	Mai Thành	Sơn	10/07/1992	Quảng Ngãi	B1-096	2,6	6,8	6,3	1,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
79	Nguyễn Văn	Sỹ	02/11/1989	Nghệ An	B1-097	5,2	6,6	6,3	1,3	5,0	<i>Năm không</i>	ĐẠT
80	Trương Công	Tài	14/10/1990	Đà Nẵng	B1-098	2,7	5,7	6,3	0,9	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
81	Lê Tấn	Thanh	22/02/1992	Quảng Ngãi	B1-099	2,2	5,1	6,5	1,6	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
82	Nguyễn Văn	Thanh	10/02/1991	Đà Nẵng	B1-100	2,2	6	6,5	1,6	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT

83	Võ Công	Thành	01/12/1985	Quảng Ngãi	B1-101	2,1	5,7	7	0,7	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
84	Hà Văn	Thức	20/06/1985	Thanh Hóa	B1-102	3,7	6	7,5	0,7	4,5	<i>Bốn năm</i>	ĐẠT
85	Nguyễn Trung	Tín	15/03/1987	Quảng Trị	B1-103	2,6	5,1	7,5	1,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
86	Huỳnh Tấn	Tới	18/07/1991	Đà Nẵng	B1-104	2,4	4,9	6,8	1,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
87	Đoàn Nhất	Triều	04/04/1993	Quảng Ngãi	B1-105	3,0	4,6	6,5	1,4	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
88	Nguyễn Quang	Trung	15/11/1988	Đà Nẵng	B1-106	1,7	5,1	7,5	1,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
89	Hoàng Trọng	Tuấn	05/02/1992	Huế	B1-107	4,0	5,1	6,5	1,0	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
90	Nguyễn Hải	Tuyên	29/10/1986	Đà Nẵng	B1-108	2,0	4,6	7,3	1,3	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
91	Lê Văn	Tý	19/05/1991	Thanh Hoá	B1-109	2,2	6	7,3	0,9	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
92	Trần Văn	Vinh	10/05/1996	Đà Nẵng	B1-110	2,7	4,9	6,5	1,6	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT
93	Lê Thế	Triều	25/02/2002	Quảng Trị	B1-111	6,5	2,9	3,3	2,5	4,0	<i>Bốn không</i>	ĐẠT